|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****XÃ SƠN TRUNG****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /BC-UBND | *Sơn Trung, ngày 15 tháng 3 năm 2024* |

 **BÁO CÁO**

**Nội dung về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực quý I năm 2024**

Kính gửi:

 - UBND huyện Hương Sơn;

- Phòng Thanh Tra huyện Hương Sơn.

**I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC**

**1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực**

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Cấp ủy Đảng, Chính quyền xã luôn xác định công tác PCTN là nhiệm vụ trong tâm và thường xuyên và phải thực hiện kiên quyết để phòng ngừa, ngăn chăn tình trạng tham nhũng; UBND xã ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 31/12/2021 Thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024; Kế hoạch PCTN đến năm 2030 Kế hoạch công tác Tư pháp; Kế hoạch CCHC; Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến , giáo dục pháp luật năm 2024……

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Ban hành kế hoạch thực hiện công tác PCTNTC đến hết năm 2030.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: Thực hiện theo quy định.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách): Thực hiện kiêm nhiệm.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách về Luật phòng chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật PCTN; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện về Thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực giai đoạn 2021 - 2025**,** Kế hoạch phòng chống tham nhũng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2024 của xã; các Kế hoạc về CCHC các cấp……Thực hiện đăng tải các văn bản chỉ đạo của các cấp trên Trang thông tin điện tử của phường để cán bộ, công chức nắm bắt nghiên cứu.

Thực hiện công tác kê khai tài sản theo luật PCTN năm 2018; nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính Phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND xã Sơn Trung đã tuyên truyền, phổ biến đến tận cán bộ, công chức.

Tổ chức quán triệt đầy đủ, kịp thời đến cán bộ, công chức, người lao động cơ quan các văn bản: Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo ngày 27/4/2022 (TBKL số 21-TB/BCĐTW ngày 02/5/2022); Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản chỉ đạo thực hiện của các cấp.

e) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra): Không có

**2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Niêm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính, quy trình, thời hạn giải quyết công việc tại phòng một cửa và trên trang thông tin điện tử của xã; UBND đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: Quyết định về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công và triển khai quán triệt trong đội ngũ cán bộ, công chức tại Hội nghị cán bộ, công chức đầu năm;

 Thực hiện nghiêm túc công tác công khai tài chính kịp thời đúng quy định.

 Thực hiện Công khai về mua sắm tài sản quý I năm 2024, Đề xuất của cán bộ, công chức, khảo sát của đoàn kiểm kê, kế hoạch mua sắm, các cuộc họp xét thông qua báo giá, hợp đồng, công khai minh bạch tài sản. Công khai về mua sắm tài sản quý I năm 2024, cụ thể: 01 tủ tài liệu, 02 bàn làm việc.

Công khai các công trình xây dựng các công trình được thực hiện công khai.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Quản lý chặt chẽ hoạt động chi ngân sách Nhà nước, thực hiện triệt để tiết kiệm chi, cắt giảm tối đa các khoản chi không cần thiết, đồng thời quán triệt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cấp trên đối với đội ngũ cán bô, công chức: Thực hiện cắt kinh phí hội họp đối với cán bộ, công chức hưởng lương Nhà nước.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Thực hiện Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại cơ quan hành chính Nhà nước và Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án văn hóa công vụ; Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy chế văn hóa công vụ: Việc ứng xử của cán bộ công chức trong cơ quan được thực hiện theo quy định về chuẩn mực đạo đức, phong cách ứng xử, lề lối làm việc và thực hiện những việc được làm và không được làm theo quy định của pháp luật, trong quá trình theo dõi đến thời điểm này chưa phát hiện trường hợp cán bộ, công chức vi phạm các quy định về thực hiện quy tắc ứng xử trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định cấp trên.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

 Kết quả thực hiện CCHC: UBND xã đã xây dựng kế hoạch CCHC năm 2022, phân công cụ thể cán bộ, công chức phụ trách từng lĩnh vực, nêu rõ thời gian triển khai thực hiện và thời gian hoàn thành, phân công cơ quan phối hợp để thực hiện các nội dung công việc theo kế hoạch; tổ chức khắc phục các tồn tại hạn chế qua đánh giá, xếp loại chỉ số CCHC năm 2023; ứng dụng tốt phần mềm hscv; ban hành 109 văn bản, ký số đạt 100%; Bộ phận một cửa đảm bảo kết nối hoạt động với hệ thống công DVC trực tuyến của tỉnh, Quốc gia; nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

Kết quả ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Việc sử dụng ứng dụng Dịch vụ công Kho bạc nhà nước để thanh toán các chế độ, chi thường xuyên không dùng tiền mặt bằng hình thức thanh toán chuyển khoản trực tiếp cho cá nhân người được hưởng được thực hiện đúng quy địn

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

**3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có**

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo: Không có

a)Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

Thực hiện công tác kiểm tra về phòng, chống tham nhũng trong cơ quan đến thời điểm này chưa phát hiện trường hợp vi phạm về công tác phòng, chống tham nhũng

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán;

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...);

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có): Không có

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng: Không có

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được;

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính;

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: Không có

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

g) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra: Không có

- Số vụ việc, số đối tượng tham nhũng phát hiện trong kỳ báo cáo;

- Kết quả xử lý tham nhũng (hình sự, hành chính).

**4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước**

a) Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

b) Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý: (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện)

c) Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng;

- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ;

- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu;

- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước;

- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

**5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực**

Trong thời gian qua MTTQ đẩy mạnh công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tham mưu với cấp ủy Đảng, phối hợp với chính quyền tổ chức tốt việc đối thoại với Nhân dân; tổ chức giám sát và phản biện theo Quyết định 217, 218 của Bộ Chính trị về giám sát và phản biện của MTTQ và nhân dân và Quy định 124 về “*Việc giám sát của MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”.* MTTQ xã đã ban hành quyết định thành lập các tổ giám sát đầu tư cộng đồng, phân công cụ thể nhiệm vụ co các thành viên thực hiện giám sát các công trình trên địa bàn được nhân dân đồng tình. Ban Thường trực MTTQ phối hợp HĐND, với Ủy ban kiểm tra Đảng ủy thiện tốt việc giám sát thường xuyên tại địa phương.

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG** *(Báo cáo hằng Quý không phải báo cáo mục này)*

**1. Đánh giá tình hình**

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân

b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước

**2. Dự báo tình hình tham nhũng**

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...)

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng

**III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC**

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, huyện về công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, cấp ủy Đảng, chính quyền xã đã thường xuyên quán triệt, tập trung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách về Luật phòng chống tham nhũng, các văn bản hướng dẫn thi hành; các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Chương trình…. của BCHTW, Chính phủ, của Tỉnh, của huyện; UBND xã xây dựng kế hoạch phòng chống tham nhũng hàng năm và đề ra các giải pháp, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trên mọi lĩnh vực; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện chế độ công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách, cung ứng dịch vụ công; quản lý sử dụng đất đai, tài sản công…việc phòng chống tham nhũng được duy trì thường xuyên và đẩy mạnh trên các lĩnh vực nên không có trường hợp cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng.

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp**

a) Phương hướng chung trong thời gian tới

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

**2. Kiến nghị, đề xuất: Không có**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:* - Như trên;- TT Đảng ủy;- CT, PCT UBND xã;-UBMTTQ và các đoàn thể; - Công chức xã;   - Lưu: VT. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH****Nguyễn Tiến Thích** |

**Biểu số: 01/PCTN**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC**

**Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/3/2024**

*(Kèm theo Báo cáo số: ……..… ngày 15/3/2024 của UBND xã)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **MS** | **NỘI DUNG** | **ĐVT** | **SỐ LIỆU** |
|  | **CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT** |  |  |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản |  2 |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản |  0 |
| 3 | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0  |
|   | **TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC** |   |   |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức | Lớp |  0 |
| 5 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC | Lượt người | 0  |
| 6 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản | Tài liệu | 0  |
|   | **THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC** |   |   |
| 7 | Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC | Cuộc |  0 |
| 8 | Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận | Cuộc |  0 |
| 9 | Số đơn vị được thanh tra | Đơn vị |  0 |
|   | ***Kiến nghị xử lý hành chính*** |   |   |
| 10 | + Tập thể | tập thể | 0  |
| 11 | + Cá nhân | người | 0  |
|   | ***Kiến nghị xử lý hình sự*** |   |   |
| 12 | + Số vụ | vụ | 0  |
| 13 | + Số đối tượng | Đối tượng | 0  |
|   | **PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** |   |   |
|   | ***Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động*** |   |   |
| 14 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0  |
| 15 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0  |
|   | ***Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ*** |   | 0  |
| 16 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới | Văn bản | 0  |
| 17 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ | Văn bản |  0 |
| 18 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Cuộc | 0  |
| 19 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Vụ | 0  |
| 20 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | Người | 0  |
| 21 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính | Người | 0  |
| 22 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự | Người | 0  |
| 23 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0  |
| 24 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng |  0 |
|   | ***Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn*** |   |   |
| 25 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | CQ, TC, ĐV | 0  |
| 26 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 0  |
| 27 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 0  |
| 28 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0  |
| 29 | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích | Người | 0  |
| 30 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ | Người | 0  |
|   | ***Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn*** |   |   |
| 31 | Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0  |
| 32 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0  |
|   | ***Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt*** |   |   |
| 33 | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | 176  |
| 34 | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị | Thủ tục | 125  |
| 35 | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên | Lượt thủ tục | 0  |
| 36 | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Cuộc |  0 |
| 37 | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt | Vụ |  0 |
| 38 | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1) | Triệu đồng |  0 |
| 39 | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2) | % | 0  |
|   | ***Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn*** |   |   |
| 40 | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ | Người | 5  |
| 41 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | 00  |
| 42 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV |   |
| 43 | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập | Người |  0 |
| *43.1* | *Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực* | Người |  0 |
| *43.2* | *Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập* | Người |  0 |
|   | **PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** |   |   |
| 44 | Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ | 0  |
| 45 | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người |  0 |
|   | ***Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị*** |   |   |
| 46 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Vụ | 0  |
| 47 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | Người | 0  |
| 48 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Vụ |  0 |
| 49 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra | Người |  0 |
| 50 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực | Vụ | 0  |
|   | *- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra* | vụ |  0 |
| 51 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực | Người |  0 |
|   | *- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra* | người |  0 |
|   | ***Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán*** |   |   |
| 52 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Vụ |  0 |
| 53 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người | 0  |
| 54 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra | Vụ | 0  |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra | Người | 0  |
| 56 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Vụ | 0  |
| 57 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán | Người | 0  |
|   | ***Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng*** |   | 0  |
| 58 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ việc | 0  |
| 59 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét | Vụ việc | 0  |
| 60 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | Vụ |  0 |
| 61 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng | người |  0 |
|   | ***Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo*** |   |   |
| 62 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ |  0 |
| 63 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 0  |
|   | ***Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)*** |   |   |
| 64 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác | Vụ |  0 |
| 65 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác | Người | 0  |
|   | ***Qua điều tra tội phạm*** |   | 0  |
| 66 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0  |
| 67 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0  |
|   | ***Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng*** |   |   |
| 68 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo | Người |  0 |
| 69 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù | Người |  0 |
| 70 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo | Người |  0 |
| 71 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng | Người |  0 |
|   | **XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG** |   |   |
| 72 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người |  0 |
| 73 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người |  0 |
| 74 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | 0  |
| *74.1* | *- Khiển trách* | Người | 00  |
| *74.2* | *- Cảnh cáo* | Người | 0  |
| *74.3* | *- Cách chức* | Người | 0  |
|   | **XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ** |   |   |
| 75 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | 0  |
| 76 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: | Người | 0  |
| *76.1* | *- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng* | Người |  0 |
| *76.2* | *- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng* | Người |  0 |
| *76.3* | *- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng* | Người |  0 |
| *76.4* | *- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng* | Người |  0 |
| 77 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ |  0 |
| 78 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người |  0 |
| 79 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ |  0 |
| 80 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người |  0 |
|   | ***Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được*** |   |  0 |
| 81 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  0 |
| 82 | Đất đai | m2 |  0 |
|   | ***Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường*** |   |  0 |
| 83 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  0 |
| *83.1* | *- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính* | Triệu |  0 |
| *83.2* | *- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp* | Triệu |  0 |
| 84 | Đất đai | m2 |  0 |
| *84.1* | *- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính* | m2 |  0 |
| *84.2* | *- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp* | m2 |  0 |
|   | ***Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được*** |   |  0 |
| 85 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  0 |
| 86 | Đất đai | m2 |  0 |
|   | **PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)** |   |  0 |
| 87 | Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo | Vụ |  0 |
| 88 | Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo | Người |  0 |
| 89 | Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự | Vụ |  0 |
| 90 | Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự | Người |  0 |
| 91 | Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính | Vụ |  0 |
| 92 | Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật | Người |  0 |
|   | **PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC** |   |  0 |
| 93 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý | Tổ chức |  0 |
| 94 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC | Tổ chức |  0 |
| 95 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC | Tổ chức |  0 |
| 96 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Vụ |  0 |
| 97 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện | Người |  0 |
| 98 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự | Người |  0 |
| 99 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  0 |
| 100 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  0 |

***Ghi chú:0***

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.

- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTNTC của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn

- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

- (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

**Biểu số: 02/PCTN**

**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ**

**Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/3/2024**

*(Kèm theo Báo cáo số: ……..… ngày 15/3/2024 của UBND xã)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên vụ** | **Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc** | **Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc** | **Tóm tắt nội dung vụ việc** | **Ghi chú** |
| 1 | Không có |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **Tổng số:** |  |  |  |  |  |

**Biểu số: 03/PCTN**

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỞ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG, TIÊU CỰC(\*)**

**Số liệu tính từ ngày …/.../.... đến....ngày.../..../...**

*(Kèm theo Báo cáo số: …….…… ngày ….. tháng .... năm … của ………..)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên, số, ngày, tháng, năm** | **Cơ quan ban hành văn bản** | **Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực** | **Kết quả khắc phục** | **Ghi chú** |
| **Đã được khắc phục theo thẩm quyền** | **Chưa khắc phục xong** | **Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong** |  |
| MS | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1 |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số:** |   |   |   |   |   |   |   |

***Hướng dẫn cách ghi biểu:***

(\*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4),(5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)